

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2024.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Bùi Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 19/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/5/2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Đức N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ B, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Thị Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ B, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Ông N có mặt tại phiên tòa, bà Y vắng mặt tại phiên tòa.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Bùi Đức N trình bày:

Ông Bùi Đức N và bà Lê Thị Y kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố C vào ngày 15/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu.

Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng và gia đình hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay ông Bùi Đức N nhận thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Hoàng Thiên V, sinh ngày 18/01/2013, hiện con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, ông Bùi Đức N đồng ý cho mẹ được nuôi con chung; vợ chồng tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Lê Thị Y, bà Y không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Đức N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn bà Lê Thị Y có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Y nhưng bà Y không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân của ông Bùi Đức N và bà Lê Thị Y được xác lập vào năm 2012, do hai ông bà tự nguyện và thừa nhận, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C vào ngày 15/8/2012 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, anh N yêu cầu được ly hôn với bà Y; bà Y không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy ông N và bà Y đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, ông N được ly hôn với bà Y.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Hoàng Thiên V, sinh ngày 18/01/2013, hiện con chung đang sống với mẹ. Tại phiên tòa, ông N đồng ý cho bà Y tiếp tục nuôi con, bà Y không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy con chung đã được bà Y chăm sóc ổn định và phát triển tốt nên tiếp tục giao con chung cho bà Y nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, giao con chung tên Bùi Hoàng Thiên V, sinh ngày 18/01/2013 cho bà Y tiếp tục nuôi là có căn cứ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Đức N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Y vắng mặt nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Ông Bùi Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức N, ông Bùi Đức N được ly hôn với bà Lê Thị Y.

[2] *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đức N.

Giao con chung tên Bùi Hoàng Thiên V, sinh ngày 18/01/2013 cho bà Y tiếp tục nuôi, hiện con chung đang sống với bà Y.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: ông Bùi Đức N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009723 ngày 09/5/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy anh Nghĩa đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND M, TPCL (số 57, ngày 15/8/2012);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh